

Mô tả phương pháp học tập và một số yếu tố liên quan đến kết quả học tập của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu

Phạm Thị Nhã Trúc^{*}, Ngô Kiều Lol
và Nguyễn Thị Lan Phương
Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nghiên cứu nhằm đánh giá phương pháp học tập (PPHT) và một số yếu tố liên quan đến kết quả học tập của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu (CĐYTBL) để có sự điều chỉnh hợp lý trong phương pháp dạy học, tiến đến thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng của Nhà trường. **Mục tiêu nghiên cứu:** (1) Mô tả phương pháp học tập của sinh viên tại Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu; (2) Xác định mối liên quan giữa phương pháp học với kết quả học tập của sinh viên tại Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang, khảo sát 191 sinh viên chính quy đang học năm thứ hai tại Trường CĐYTBL với số liệu được thu thập bằng phương pháp phát vấn. **Kết quả:** Trong học tập, SV thường lựa chọn phương pháp nghe giảng (85.9%), ghi chép (83.2%) và tự học (81.7%), SV lựa chọn phương pháp đọc tài liệu chiếm thấp nhất (69.1%). Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi SV biết kết hợp > 3 PPHT thì kết quả học tập của SV sẽ đạt từ khá trở lên ($p = 0.002$), trong đó SV cần sử dụng thêm phương pháp ghi nhớ ($p < 0.001$) và đọc tài liệu ($p = 0.013$). **Kết luận:** Trong quá trình học tập SV cần biết cách phối hợp nhiều phương pháp để học, tăng cường kỹ năng đọc nhiều hơn. Nhà trường cần khuyến khích các giảng viên giao bài cho SV nghiên cứu để giúp SV tăng khả năng đọc tài liệu và cải thiện năng lực tự học.

Từ khóa: phương pháp học tập, kết quả học tập, giảng viên, sinh viên, Cao đẳng Y tế Bạc Liêu

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, quan điểm đào tạo ở các trường cao đẳng, đại học đã tập trung nhiều phương pháp để tăng tính tích cực học tập chủ động cho sinh viên, đồng thời giúp tăng cường khả năng vận dụng kiến thức để hướng sinh viên giải quyết những vấn đề thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trong các phương pháp dạy học thì phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm được John Biggs và Catherine Tang xếp vào cấp độ 3 của các phương pháp dạy học vì phương pháp này nhằm giúp người học đạt được mức độ hiểu biết thông qua các hoạt động học tập thích hợp [1]. Năm 2007, John Biggs and Catherine Tang đã thực hiện nghiên cứu cho thấy có mối liên quan chặt chẽ giữa các hoạt động của người học với hiệu quả học tập [2]. Tỷ lệ tiếp thu kiến thức của người học tăng lên cao khi biết cách vận dụng đa giác quan vào hoạt động học tập, được sử dụng trong thực tế và đặc biệt nếu biết dạy lại cho người khác. Giảng dạy chủ động chính là tổ chức các hoạt động học tập

đa dạng và phong phú giúp làm tăng khả năng lĩnh hội kiến thức cho sinh viên.

Tính tích cực là một phẩm chất vốn có của con người thông qua các hoạt động. Học tập là hoạt động chủ đạo ở người học. Tính tích cực trong hoạt động học tập là tích cực nhận thức, cố gắng phát huy trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Để dạy học theo phương pháp tích cực thì GV phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp truyền thống, trong đó thầy cô giữ vai trò là người hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, người đi trước trong ngành nghề truyền đạt lại kiến thức, kinh nghiệm cho người đi sau. Khối lượng kiến thức ở mỗi môn học là không hề nhỏ, đặc biệt khi học ở bậc đào tạo cao đẳng, đại học thuộc lĩnh vực sức khỏe. Do đó, đòi hỏi người GV phải có nghệ thuật giảng dạy và biết cách truyền cảm hứng cho người học, giúp người học hiểu rõ được mục tiêu bài học, còn người học thì cảm thấy tự do tập trung vào nhiệm vụ chính của

Tác giả liên hệ: TS. Phạm Thị Nhã Trúc
Email: ptntruc@cdytbaclieu.edu.vn

mình, không còn đối phó với bài kiểm tra hay đánh giá của GV đối với môn học [1].

Tại các trường cao đẳng, đại học, thời gian lên lớp của thầy cô chủ yếu là nhằm giải đáp các thắc mắc và hướng dẫn các tài liệu, các phần nên đọc trong nội dung của môn học. Do số lượng tài liệu và khối kiến thức mà SV phải tiếp nhận mới là vô cùng lớn nên rất khó cho SV để có thể tự tìm kiếm chính xác tài liệu thích hợp cho môn học. Các yếu tố này cũng chính là những khó khăn trong quá trình tự học của SV ngày nay. Vì vậy, cần có sự hướng dẫn của thầy cô trong việc học của SV. Hiện nay, có nhiều phương pháp dạy học tích cực, mỗi phương pháp đều có ưu, nhược điểm riêng và phù hợp với những hoàn cảnh nhất định, GV có thể phối hợp các phương pháp với nhau hoặc cải tiến hay sáng tạo ra cách làm mới. Các phương pháp dạy học tích cực có thể được sử dụng trong ba giai đoạn tự học như định hướng - thực hiện - đánh giá.

Tại Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu (CĐYTBL) nhiều năm nay đã và đang triển khai phương pháp học tập (PPHT) tích cực, chủ động nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tự học, tự tìm kiếm tài liệu, kỹ năng thuyết trình, tư duy, làm việc nhóm,... Tuy nhiên, đối với sinh viên năm thứ I, đầu năm học thứ II thường có kết quả học tập chưa tốt do sinh viên chưa thích nghi được với môi trường học tập, PPHT mới ở bậc cao đẳng, đại học. Do đó, PPHT tích cực này được áp dụng ở Trường CĐYTBL đã thực sự phát huy hết hiệu quả chưa thì cần phải xác định và đánh giá, trong các PPHT thì phương pháp nào ảnh hưởng đến kết quả học tập (KQHT) của sinh viên? Xuất phát từ thực tiễn trên, chúng tôi tiến hành “Mô tả phương pháp học tập và một số yếu tố liên quan đến kết quả học tập của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu”.

Kết quả nghiên cứu nhằm cung cấp số liệu khoa học để từ đó có sự điều chỉnh hợp lý theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học khi thực hiện đào tạo theo PPHT tích cực. Bên cạnh đó, thực hiện nghiên cứu này còn nhằm mục đích ứng dụng trong việc đánh giá chất lượng đào tạo hiện tại cho Trường CĐYTBL để hướng tới thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng của Nhà trường trong thời gian tới. Do đó chúng tôi thực hiện nghiên cứu với 02 mục tiêu:

1. Mô tả phương pháp học tập của sinh viên tại Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu.
2. Xác định mối liên quan giữa phương pháp học

với kết quả học tập của sinh viên tại Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Dược, Hộ sinh chính qui đã học xong các môn cơ sở ngành của Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu và bảng điểm học tập năm thứ nhất.

- Tiêu chuẩn chọn: Sinh viên Cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Dược, Hộ sinh chính qui đang học năm thứ 2 tại Trường CĐYTBL, có kết quả học tập xếp loại đạt đối với môn cơ sở ngành.

- Tiêu chuẩn loại trừ:

+ Sinh viên Cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Dược và Hộ sinh chính quy bị buộc thôi học tại khoản 2, điều 16 của Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 [3].

+ Sinh viên năm thứ 2 được chuyển từ trường khác đến.

+ Bảng điểm học tập năm thứ nhất chưa có đầy đủ kết quả các môn cơ sở ngành.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu quan sát mô tả cắt ngang.

- Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Chọn toàn bộ 191 sinh viên cao đẳng chính quy theo tiêu chuẩn chọn mẫu.

- Nội dung nghiên cứu:

+ Các căn cứ để xây dựng bộ câu hỏi nghiên cứu: Các quy định và các tiêu chí đánh giá chất lượng trường cao đẳng; Quy chế đào tạo cao đẳng, đại học theo hệ thống tín chỉ [3 -5].

+ Thu thập số liệu qua rà soát kết quả xếp loại học tập môn cơ sở ngành từ Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học để tiến hành thu mẫu.

+ Sử dụng phương pháp phát vấn và dùng bộ câu hỏi có cấu trúc được biên soạn sẵn để khảo sát, đánh giá. Bộ câu hỏi khảo sát được thử nghiệm để hoàn chỉnh trước khi tiến hành thu mẫu.

+ Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và làm sạch trước khi phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0 để mô tả các tần số, tỷ lệ phần trăm và p_{value} nhằm xác định các yếu tố liên quan đến kết quả học tập của SV.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

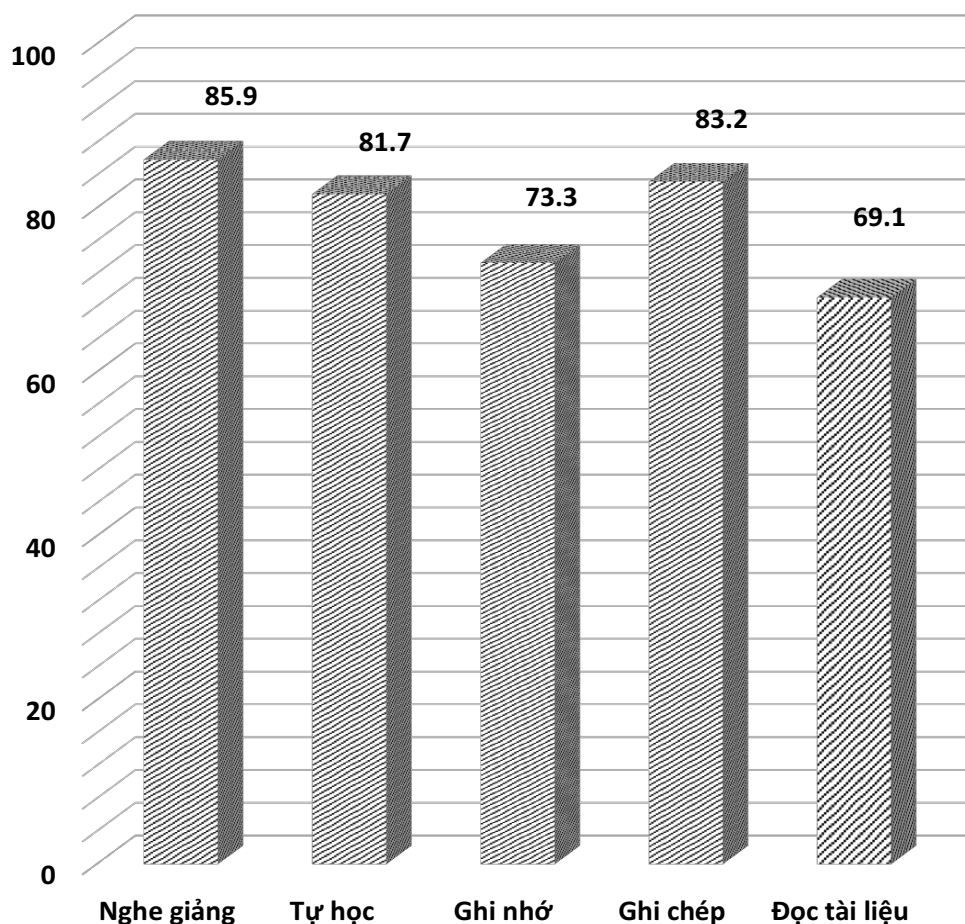
3.1. Thông tin của sinh viên

Bảng 1. Đặc tính chung của sinh viên (n=191)

Đặc tính mẫu nghiên cứu			Tần số	Tỷ lệ %
1	Giới	Nam	59	30.9
		Nữ	132	69.1
2	Tuổi	≤ 20 tuổi	145	75.9
		> 20 tuổi	46	24.1
3	Ngành đào tạo	Cao đẳng Điều dưỡng	70	36.6
		Cao đẳng Dược	111	58.1
		Cao đẳng Hộ sinh	10	5.2

Trường CĐYTBL có SV nữ (69.1%) nhiều hơn nam (30.9%), độ tuổi 20 tuổi chiếm 75.9%, chủ yếu là SV ngành Dược (58.1%) và Điều dưỡng (36.6%).

3.2. Các phương pháp học tập của SV Trường CĐYTBL



Hình 1. Các PPHT của sinh viên (n=191)

Trong các PPHT, phương pháp được SV lựa chọn nhiều nhất là nghe giảng (85.9%), ghi chép (83.2%)

và tự học (81.7%); phương pháp đọc tài liệu chiếm tỷ lệ thấp nhất trong các phương pháp (69.1%).

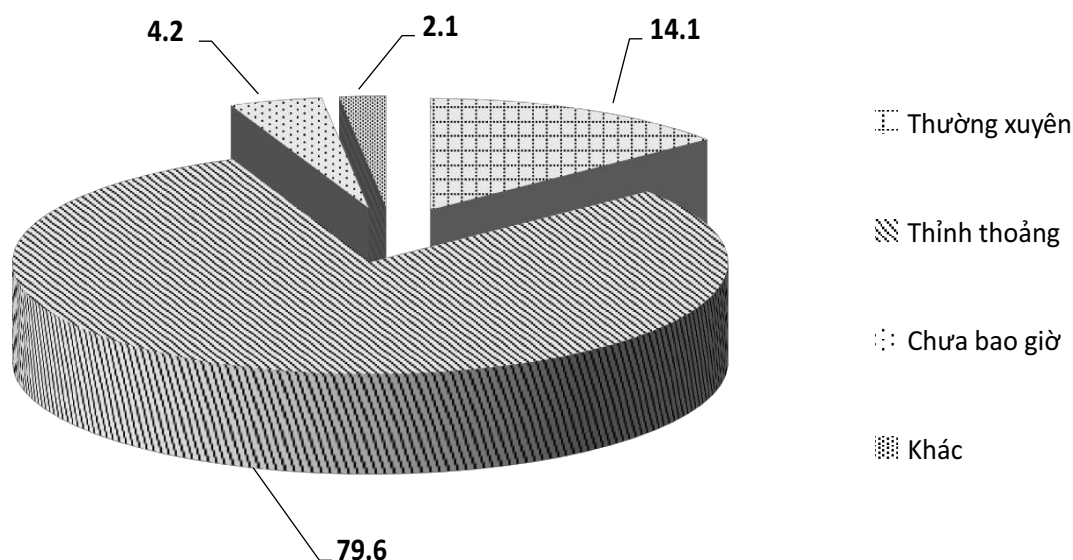
Bảng 2. Mô tả phương pháp nghe giảng của sinh viên (n = 191)

Phương pháp nghe giảng	Tần số	Tỷ lệ %
Không bỏ qua hoặc xem nhẹ thời gian đầu của tiết học	101	52.9
Tập trung theo dõi bài, hiểu rồi ghi chép theo ý hiểu	139	72.8
Tập trung vào những nội dung chính, những điểm quan trọng nhất mà GV thường nhấn mạnh	153	80.1
Chú ý đến các bảng tóm tắt, các sơ đồ và các tài liệu trực quan khác do GV giới thiệu	112	58.6
Nghe và ghi nhanh các thông tin chưa hiểu để hỏi GV	54	28.3

Trong phương pháp nghe giảng, 80.1% SV tập trung vào những nội dung chính, những điểm quan trọng nhất mà GV nhấn mạnh, 72.8% SV khi hiểu vấn đề rồi ghi chép lại theo ý hiểu. Có 58.6% SV thường chú ý đến các bảng tóm tắt do GV giới

thiệu hoặc không bỏ qua hay xem nhẹ thời gian đầu của tiết học (52.9%).

Qua Hình 2 có 14.1% SV thường xuyên chủ động trong việc tự học và 79.6% SV thỉnh thoảng tự học, có 4.2% SV chưa bao giờ tự học.

**Hình 2.** Mức độ tự học ngoài giờ lên lớp của SV (n=191)**Bảng 3.** Mô tả phương pháp ghi nhớ của sinh viên (n = 191)

Phương pháp ghi nhớ	Tần số	Tỷ lệ %
Tập trung hiểu các khái niệm, nguyên lý, nguyên tắc để nhớ nội dung chính của môn học	124	64.9
Hệ thống, khái quát hóa các kiến thức cũ và tìm cách so sánh với kiến thức mới	53	27.7
Liên hệ giữa kiến thức của GV cung cấp với thực tiễn	74	38.7

SV ghi nhớ bài học bằng cách tập trung hiểu các khái niệm, nguyên lý, nguyên tắc để nhớ nội dung chính của môn học (64.9%) và nhớ bài khi liên hệ giữa kiến

thức của GV cung cấp với thực tiễn (38.7%). Chỉ có 27.7% SV biết tự hệ thống, khái quát hoá các kiến thức cũ và tìm cách so sánh với kiến thức mới.

Bảng 4. Mô tả phương pháp ghi chép của sinh viên (n = 191)

Phương pháp ghi chép	Tần số	Tỷ lệ %
Viết nhanh, ghi chép theo ý hiểu	139	72.8
Ghi chép có chọn lọc, ghi cả tiêu đề và nội dung	89	46.6
Ghi chép lại thắc mắc để hỏi GV	57	29.8
Chỉ ghi chép những gì chưa biết, những điều quan trọng mà sách không có	128	67.0

Trong phương pháp ghi chép, có 72.8% SV thường viết nhanh, viết theo ý hiểu. Có 67.0% SV chỉ ghi chép những gì chưa biết, điều quan trọng trong sách không có hoặc ghi chép có chọn lọc (46.6%) và 29.8% SV ghi chép lại nội dung thắc mắc để hỏi GV.

Bảng 5. Mô tả phương pháp đọc tài liệu của sinh viên (n = 191)

Phương pháp đọc tài liệu	Tần số	Tỷ lệ %
Đọc lướt phần giới thiệu, chương, nội dung để nắm thông tin cơ bản của cả tài liệu, sách	99	51.8
Sử dụng giấy note để ghi chú lại câu hỏi trong lúc đọc	89	46.6
Đọc chi tiết nội dung để hiểu cặn kẽ các vấn đề có liên quan	62	32.5
Đọc lại nội dung nhiều lần để tự trả lời các câu hỏi thắc mắc của chính sinh viên	81	42.4

Trong phương pháp đọc tài liệu có 51.8% SV đọc lướt để nắm thông tin cơ bản của tài liệu. Có 46.6% SV có sử dụng giấy note để ghi chú lại câu hỏi trong lúc đọc; 42.4% SV đọc nhiều lần để tự trả lời các câu hỏi thắc mắc của chính mình và 32.5% SV đọc chi tiết nội dung để hiểu cặn kẽ các vấn đề có liên quan.

Bảng 6. Những khó khăn trong quá trình tự học của SV (n=191)

Khó khăn	Tần số	Tỷ lệ %
Không có môi trường học tập	30	15.7
Thường bị mất tập trung	82	42.9
Mất kiến thức cơ bản của phổ thông	38	19.9
Lượng kiến thức trên lớp quá nhiều	101	52.9
Không theo kịp bài giảng trên lớp	71	37.2
Thiếu các phương tiện để tìm kiếm thông tin	29	15.2
Không có giáo trình, tài liệu của môn học để tự học tại nhà	6	3.1

Qua khảo sát, những khó khăn trong quá trình tự học của SV chủ yếu là lượng kiến thức trên lớp quá nhiều (52.9%), thường bị mất tập trung khi học bài (42.9%) và không theo kịp bài giảng trên lớp (37.2%). Ngoài ra, có 19.9% SV bị mất kiến thức cơ bản của phổ thông và 15.7% SV không có môi trường học tập và thiếu các phương tiện để tìm kiếm thông tin.

3.3. Mối liên gian giữa PPHT với kết quả học tập của sinh viên

Bảng 7. Kết quả học tập liên quan đến đặc điểm cá nhân sinh viên

Bảng 7: Kết quả học tập liên quan đến đặc điểm cá nhân sinh viên

		Kết quả học tập của SV						χ^2 ; Pvalue
		\geq Trung bình		TB Yếu		Kém		
		n	%	n	%	n	%	
Giới	Nam	33	28.9	23	33.3	3	37.5	$\chi^2 = 0.558$ $p = 0.76$
	Nữ	81	71.1	46	66.7	5	62.5	
Tuổi	Từ 18-20 tuổi	93	81.6	49	71.0	3	37.5	$\chi^2 = 9.364$ $p = 0.009$
	Trên 20 tuổi	21	18.4	20	29.0	5	62.5	

Qua phân tích cho thấy có sự khác biệt về độ tuổi với kết quả học tập của SV, SV từ 18 - 20 tuổi có kết quả học tập tốt hơn nhóm SV trên 20 tuổi, mối liên

quan này có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Trong nghiên cứu này không tìm thấy sự khác biệt giữa nam, nữ với kết quả học tập ($p > 0.05$).

Bảng 8. Liên quan giữa PPHT của sinh viên với kết quả học tập

Phương pháp học tập		Kết quả học tập của SV						Pvalue
		≥ Khá		Trung bình		Yếu - Kém		
		n	%	n	%	n	%	
Nghe giảng	Có	102	89.5	55	79.7	7	87.5	0.183
	Không	12	10.5	14	20.3	1	12.5	
Tự học	Có	97	85.1	54	78.3	5	62.5	0.184
	Không	17	14.9	15	21.7	3	37.5	
Ghi nhớ	Có	96	84.2	40	58.0	4	50.0	< 0.001
	Không	18	15.8	29	42.0	4	50.0	
Ghi chép	Có	100	87.7	54	78.3	5	62.5	0.069
	Không	14	12.3	15	21.7	3	37.5	
Đọc tài liệu	Có	87	76.3	42	60.9	3	37.5	0.013
	Không	27	23.7	27	39.1	5	62.5	
Kết hợp các phương pháp	> 3 phương pháp	97	85.1	45	65.2	4	50.0	0.002
	≤ 3 phương pháp	17	14.9	24	34.8	4	50.0	

Kết quả phân tích chỉ ra rằng không có sự khác biệt đến kết quả học tập ở nhóm SV có hoặc không có nghe giảng, tự học hay không tự học, có ghi chép hay không ghi chép bài, các mối liên quan này đều không có ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$).

Trong nghiên cứu này chúng tôi tìm thấy có sự khác biệt có liên quan đến kết quả học tập ở nhóm SV có khả năng ghi nhớ bài thì kết quả học tập đạt từ khá trở lên chiếm tỷ lệ cao hơn các nhóm SV có kết quả từ trung bình trở xuống ($p < 0.001$); có sự khác biệt về kết quả học tập ở nhóm SV đọc tài liệu với nhóm SV không đọc tài liệu ($p = 0.013$). Trong quá trình học tập, nhóm SV biết kết

hợp trên 3 PPHT thì có kết quả học tập đạt từ khá trở lên chiếm tỷ lệ cao hơn các nhóm SV có kết quả từ trung bình trở xuống ($p = 0.002$).

4. BÀN LUẬN

Qua khảo sát, các SV Trường CĐYTBL thường lựa chọn phương pháp truyền thống để học tập như: nghe giảng (85.9%), ghi chép (83.2%), ghi nhớ (73.3%) để nhớ và hiểu bài. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của tác giả Trần Linh Phong khảo sát kết quả học tập của SV Trường Đại học Trà Vinh là thường xuyên sử dụng phương pháp nghe giảng và ghi chép chỉ chiếm 61.7% [6].

Trong thực tế, việc học đạt hiệu quả là quá trình người học thu nhận được nhiều kiến thức nhất, mau chóng nắm bắt được các vấn đề một cách trực tiếp, chính xác và tiết kiệm thời gian nhất. Việc nghe giảng sẽ giúp SV biết được những điều đơn giản của nội dung bài học qua GV, nếu người học chú tâm nghe giảng, hiệu suất tiếp thu có thể đạt tới 50% [4]. Nghe giảng là điều cần thiết của SV để thu nhận thông tin từ GV. Nghe giảng giúp SV biết được những điều đơn giản của nội dung bài học qua GV, đồng thời được GV phân tích, minh họa bằng các ví dụ cụ thể. Cách trình bày, tiếp cận, nhấn mạnh những điều cơ bản của GV được thể hiện qua cử chỉ, giọng nói giúp cho SV chú ý, hiểu và ghi nhớ, thu nhận thông tin tốt hơn. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào việc thu nhận thông tin qua nghe giảng hoặc ghi chép không thì chưa đủ đạt được kết quả học tập cao vì theo John Biggs và Catherine Tang, việc người học thu nhận thông tin không mang lại sự thay đổi về kiến thức mà quan trọng là cách người học cấu trúc thông tin đó và suy nghĩ về nó như thế nào [1]. Trong nghiên cứu này, 72.8% SV tập trung theo dõi bài, hiểu rồi thì ghi chép theo ý hiểu. Nếu SV không có kỹ năng tư duy tốt, không biết cách cấu trúc thông tin sau khi nghe giảng thì việc ghi chép theo ý hiểu của SV có thể dẫn đến sai lệch thông tin. Do đó, kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt về kết quả học tập giữa nhóm SV có nghe giảng với SV không nghe giảng ($p > 0.05$).

Tương tự với phương pháp nghe giảng thì việc ghi chép sẽ giúp người học ghi nhận hình ảnh của ý niệm này được đậm nét thêm ở trong não. Trong nghiên cứu này có 83.2% SV sử dụng phương pháp ghi chép. Khi một ý niệm được tay ta trực tiếp ghi trên giấy là hình ảnh của ý niệm này được đậm nét thêm ở trong não. Có ghi chép bài, học bài sẽ nhanh thuộc. Trong phương pháp ghi chép, có 72.8% SV thường ghi chép bằng cách viết nhanh, viết theo ý hiểu. Ngoài ra, có 67% SV chỉ ghi chép những gì chưa biết, những điều quan trọng mà sách không có; 46.6% SV ghi chép có chọn lọc, ghi cả tiêu đề và nội dung. Khi những thắc mắc được giải đáp kịp thời sẽ giúp người học ghi nhớ lâu hơn. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa SV có ghi chép và SV không ghi chép với kết quả học tập ($p > 0.05$), điều này cho thấy có thể cách ghi chép của SV chưa đúng khi tập trung viết nhanh và viết theo ý hiểu (72.8%), điều này rất dễ dẫn đến sai

sót thông tin về kiến thức. Mặt khác, kiến thức cơ sở ngành Y là môn học mới so với chương trình phổ thông của SV nên SV ghi chép lại các thắc mắc để hỏi GV là rất quan trọng nhưng trong nghiên cứu này chỉ có 29.8% có thực hiện ghi chép thắc mắc để hỏi GV.

Bên cạnh việc ghi chép và nghe giảng thì phương pháp ghi nhớ cũng không kém phần quan trọng. Trong học tập, ghi nhớ thông qua các chi tiết quan trọng, sử dụng các từ "key words" và các hình ảnh minh họa để từ đó giúp SV tự hệ thống, khái quát hóa các kiến thức cũ, tìm cách so sánh với kiến thức mới. Kết quả nghiên cứu này cho thấy 64.9% SV ghi nhớ bài học bằng cách tập trung hiểu các khái niệm, nguyên lý, nguyên tắc để nhớ nội dung chính của môn học và 38.7% SV nhớ bài khi liên hệ giữa kiến thức của GV cung cấp với thực tiễn. Đặc biệt, có 27.7% SV ghi nhớ bằng cách tự hệ thống, khái quát hóa các kiến thức cũ, tìm cách so sánh với kiến thức mới và đây chính là một trong các PPHT được đánh giá có hiệu quả cao. Qua phân tích cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở nhóm SV có phương pháp ghi nhớ tốt thì có kết quả học tập đạt từ loại khá trở lên so với nhóm SV không có phương pháp ghi nhớ ($p < 0.001$).

Đọc sách là kỹ năng không thể thiếu khi SV học trong các trường cao đẳng, đại học vì SV sẽ phải đọc rất nhiều trước khi lên lớp để giúp SV định hình và chủ động lĩnh hội kiến thức. Kết quả khảo sát cho thấy có 69.1% SV Trường ĐYTBLS sử dụng phương pháp đọc tài liệu để học, đây là tỷ lệ thấp nhất trong các PPHT của SV nhưng vẫn cao hơn và gấp 1,8 lần kết quả khảo sát của Trần Linh Phong (36.9%) [6]. Cách đọc tài liệu của SV trong nghiên cứu này là 51.8% SV thường đọc lướt phần giới thiệu, chương, nội dung để nắm thông tin cơ bản của cả tài liệu, sách. Có 46.6% SV có sử dụng giấy note để ghi chú lại câu hỏi trong lúc đọc; 42.4% SV đọc lại nội dung nhiều lần để tự trả lời các câu hỏi thắc mắc của chính mình và 32.5% SV đọc chi tiết nội dung để hiểu cặn kẽ tất cả các vấn đề có liên quan. Do đó, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kết quả học tập giữa nhóm SV có đọc tài liệu với nhóm SV không đọc tài liệu ($p = 0.013$).

Trong phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm thì cần phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV, giúp SV phát triển tri thức và năng lực tư duy, năng lực nghiên cứu để giải quyết vấn đề, tăng cường khả năng học tập độc

lập và làm việc hợp tác. Như vậy, nếu SV học tập mà phương pháp học không khoa học thì năng suất học tập sẽ thấp, kiến thức tiếp thu không vững chắc và khó ứng dụng kiến thức trong thực tế. Vì vậy, các SV trong các trường cao đẳng, đại học muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả trong học tập thì cần phải biết vận dụng đa phương pháp trong tất cả các khâu: từ nghe giảng, ghi chép, làm bài, đọc tài liệu, ghi nhớ và biết cách tự học.

Trong nghiên cứu này có 81.7% SV sử dụng phương pháp tự học. Tự học là yếu tố quyết định chất lượng học tập, chất lượng đào tạo bởi nó phát huy tính tự giác, tích cực chiếm lĩnh tri thức của SV. Tuy nhiên, mức độ chủ động của SV trong việc tự học còn chiếm tỷ lệ thấp (14.1%), có 79.6% SV chỉ thỉnh thoảng tự học khi có lịch kiểm tra, thi. Kết quả này không khác biệt nhiều so với nghiên cứu của tác giả Trần Linh Phong, SV chỉ tự học khi chuẩn bị thi hoặc kiểm tra chiếm 87.2% [6]. Qua phân tích chúng tôi không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kết quả học tập của nhóm SV tự học và không tự học ($p > 0.05$). Quá trình tự học của SV Trường CĐYTBL không có sự khác biệt giữa 2 nhóm tự học và không tự học có thể do lượng kiến thức môn cơ sở ngành Y trên lớp quá nhiều (52.9%) nên SV không theo kịp bài trên lớp (37.2%). Mặt khác, SV bị mất kiến thức cơ bản của phổ thông (19.9%), không có môi trường học tập (15.7%) và thiếu các phương tiện để tìm kiếm thông tin khi GV giao nhiệm vụ tự nghiên cứu (15.2%) nên phần nào cũng ảnh hưởng đến động lực tự học của SV. Mặt khác, chương trình đào tạo Cao đẳng luôn đề cao vai trò chủ động học tập của SV, giảm thời gian lên lớp, tăng thời gian tự học, tự nghiên cứu cho SV, đòi hỏi SV phải chủ động tiếp thu kiến thức, còn GV chỉ đóng vai trò là người định hướng và trao đổi với SV những nội dung cơ bản của môn học. Chính vì vậy, SV sẽ cảm thấy hụt hẫng bởi sự khác biệt giữa cách giảng dạy ở bậc phổ thông và cao đẳng. Đối với cấp học phổ thông, SV quen với phương pháp đọc - chép, ít có giờ thảo luận và trao đổi trong quá trình học. Trong khi đó, ở bậc cao đẳng, giảng viên chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn SV tìm kiếm tài liệu và tự nghiên cứu, những lời giảng của giảng viên chỉ mang tính gợi ý, chủ yếu là SV phải dựa vào khả năng tự tiếp thu và xử lý kiến thức của mình đối với bài học đó. Chính sự khác nhau này đã làm cho rất nhiều SV cảm thấy nhút nhát trong việc xác định và tìm kiếm một số phương pháp học hiệu quả nhất cho mình.

Trong các phương pháp dạy học thì phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm được John Biggs và Catherine Tang xếp vào cấp độ 3 của các phương pháp dạy học vì phương pháp này nhằm giúp người học đạt được mức độ hiểu biết thông qua các hoạt động học tập thích hợp [1]. Như vậy, GV cần phải coi trọng hơn nữa việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV, đặc biệt là kỹ năng tư duy logic để giúp SV phát triển tri thức và năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề, tăng cường khả năng học tập độc lập và làm việc theo nhóm. Nếu SV học tập mà phương pháp học không khoa học, không biết kết hợp các phương pháp thì chất lượng học tập sẽ thấp, kiến thức tiếp thu không vững chắc và khó ứng dụng kiến thức trong thực tế, đặc biệt đối với các SV ngành Y với lượng kiến thức lớn, nội dung môn học trừu tượng. Do đó, khi SV học tập biết kết hợp trên 3 phương pháp để học như nghe giảng, đọc tài liệu, ghi chép đầy đủ và tự học thì đạt được kết quả học tập cao hơn nhóm SV chỉ biết sử dụng từng phương pháp học rời rạc hoặc chỉ sử dụng ≤ 3 phương pháp để học ($p = 0.002$). Điều này đã được John Biggs khẳng định qua nghiên cứu cho thấy rằng có mối liên quan chặt chẽ giữa các hoạt động của người học với hiệu quả học tập [1]. Mặt khác, chúng tôi cũng tìm thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về độ tuổi với kết quả học tập của SV, SV từ 18 - 20 tuổi có kết quả học tập tốt hơn nhóm SV trên 20 tuổi ($p = 0.009$) nhưng không tìm thấy sự khác biệt về kết quả học tập ở nhóm SV nam và nữ ($p > 0.05$).

5. KẾT LUẬN

Trong học tập, SV Trường CĐYTBL thường lựa chọn phương pháp nghe giảng (85.9%), ghi chép (83.2%) và ghi nhớ (73.3%), tỷ lệ SV lựa chọn phương pháp đọc tài liệu thấp (69.1%). Khi SV nghe giảng có 80.1% SV thường tập trung vào những nội dung chính, những điểm quan trọng nhất mà GV thường nhấn mạnh và 72.8% khi hiểu vấn đề rồi ghi chép lại theo ý hiểu; 58.6% SV thường chú ý đến các bảng tóm tắt, sơ đồ và các tài liệu trực quan khác do GV giới thiệu. Mức độ chủ động của SV trong việc tự học chiếm 14.1%; có 4.2% SV chưa bao giờ tự học. Có 64.9% SV tập trung hiểu các khái niệm, nguyên lý, nguyên tắc để nhớ nội dung chính của môn học; 38.7% SV nhớ bài khi liên hệ giữa kiến thức của GV cung cấp với thực tiễn. 51.8% SV đọc lướt để nắm thông tin cơ bản của tài liệu; có 46.6% SV có sử dụng giấy note để ghi chú lại câu hỏi trong lúc

đọc; 42.4% SV đọc nhiều lần để tự trả lời các câu hỏi thắc mắc của chính mình.

Trong nghiên cứu này cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về độ tuổi, kỹ năng đọc tài liệu, khả năng ghi nhớ bài với kết quả học tập của SV, nhóm SV từ 18 - 20 tuổi có kết quả học

tập tốt hơn nhóm SV trên 20 tuổi ($p = 0.009$); SV thường đọc tài liệu ($p = 0.013$), có kỹ năng ghi nhớ bài ($p < 0.001$) thì kết quả học tập đạt loại khá trở lên. Mặt khác, nếu SV biết kết hợp trên 3 PPHT thì có kết quả học tập đạt từ khá trở lên chiếm tỷ lệ cao hơn các nhóm SV có kết quả từ trung bình trở xuống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] J. Biggs, *Teaching for Quality Learning At University*, The Society for Research into Higher Education and Open University Press, Berkshire, England, 2003.

[2] J. Biggs and C. Tang, *Teaching for Quality Learning at University*, Third Edition, The Society for Research into Higher Education and Open University Press, Berkshire, England, 2007.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, 2014.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, 2007.

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 66/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng*, 2007.

[6] T. L. Phong, "Nghiên cứu ảnh hưởng của PPHT đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Trà Vinh", *Khoa học xã hội và nhân văn*, Số 2, tr. 43-49, 2011.

Description of learning methods and some factors related to learning outcomes of students at Bac Lieu Medical College

Pham Thi Nha Truc, Ngo Kieu Lol
and Nguyen Thi Lan Phuong

ABSTRACT

Background: The study aims to evaluate the learning methods and some factors related to the learning outcomes of students of Bac Lieu Medical College in order to make a reasonable adjustment in teaching methods, towards practical implementation performing in the quality assurance work of the school. Objectives: (1) Describe the learning method of students at Bac Lieu Medical College; (2) Determining the relationship between learning methods and learning outcomes of students at Bac Lieu Medical College. Materials and method: The study used a cross-sectional descriptive method, surveying 191 students studying in the second year at the Bac Lieu Medical College with data collected by interview method. Results: In learning, students often choose the method of listening to lectures (85.9%), taking notes (83.2%) and self-studying (81.7%), the percentage of students choosing the reading method is the lowest (69.1%). There is a statistically significant difference when students know how to combine more than 3 teaching methods, then their learning results will be good or higher ($p = 0.002$), in which students need to use more memorization methods ($p < 0.001$) and read the document ($p = 0.013$). Conclusion: In the learning process, students need to know how to combine many methods to learn and improve on reading skills. Bac Lieu Medical College need to encourage

teachers to assign students to research to help students increase in their reading skill and improve their self-studyability.

Keywords: *learning method, learning outcomes, teachers, students, Bac Lieu Medical College*

Received: 06/05/2022

Revised: 15/07/2022

Accepted for publication: 20/07/2022